

## KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

### QUYỂN 179

#### Phẩm 32: KHEN NGỢI BÁT-NHÃ (8)

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tướng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với mười lực của Phật hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với mười lực của Phật hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với mười lực của Phật hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với mười lực của Phật hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với mười lực của Phật hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tướng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tốt.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tướng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với pháp không quên mất hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với tánh luôn luôn xả hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với pháp không quên mất hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với tánh luôn luôn xả hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với pháp không quên mất hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với tánh luôn luôn xả hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với pháp không quên mất hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với tánh luôn luôn xả hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với pháp không quên mất hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với tánh luôn luôn xả hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tướng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tốt.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tướng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với trí Nhất thiết hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho

nhỏ; đối với trí Nhất thiết hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với trí Nhất thiết hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với trí Nhất thiết hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với trí Nhất thiết hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tướng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tướng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tướng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tướng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Dự lưu hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với Dự lưu hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với Dự lưu hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với Dự lưu hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với Dự lưu hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tướng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ

cao tốt.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tướng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Dự lưu hương, Dự lưu quả hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với Nhất lai hương, Nhất lai quả, Bất hoàn hương, Bất hoàn quả, A-la-hán hương, A-la-hán quả hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với Dự lưu hương, Dự lưu quả hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với Nhất lai hương cho đến A-la-hán quả hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với Dự lưu hương, Dự lưu quả hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với Nhất lai hương cho đến A-la-hán quả hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với Dự lưu hương, Dự lưu quả hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với Nhất lai hương cho đến A-la-hán quả hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với Dự lưu hương, Dự lưu quả hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với Nhất lai hương cho đến A-la-hán quả hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tướng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tốt.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tướng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Độc giác hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với quả vị Độc giác hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với Độc giác hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với quả vị Độc giác hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với Độc giác hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với quả vị Độc giác hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với Độc giác hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với quả vị Độc giác hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với Độc giác hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với quả vị Độc giác hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tướng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tốt.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tướng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với các Đại Bồ-tát hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với hạnh Đại Bồ-tát hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với các Đại Bồ-tát hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với hạnh Đại Bồ-tát hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với các Đại Bồ-tát hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với hạnh Đại Bồ-tát hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với các Đại Bồ-tát hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với hạnh Đại Bồ-tát hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với các Đại Bồ-tát hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho

có sức cho không có sức; đối với hạnh Đại Bồ-tát hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tướng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tướng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tướng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tướng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với tất cả pháp hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với tất cả pháp hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với tất cả pháp hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với tất cả pháp hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với tất cả pháp hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tướng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì hữu tình không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì hữu tình không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì hữu tình không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì hữu tình không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì hữu tình là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì hữu tình vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì hữu tình vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì hữu tình xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì hữu tình tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì hữu tình chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì hữu tình chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì hữu tình dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì hữu tình chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát

là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì sắc không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì thọ, tưởng, hành, thức không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì sắc không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì thọ, tưởng, hành, thức không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì sắc không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì thọ, tưởng, hành, thức không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì sắc không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì thọ, tưởng, hành, thức không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì sắc là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì thọ, tưởng, hành, thức là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì sắc vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì thọ, tưởng, hành, thức vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì sắc vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì thọ, tưởng, hành, thức vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì sắc là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng là xa lìa; vì thọ, tưởng, hành, thức là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng là xa lìa; vì sắc tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì thọ, tưởng, hành, thức tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì sắc chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì sắc chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì sắc dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì thọ, tưởng, hành, thức dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì sắc chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì nhãn xứ không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì nhãn xứ không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì nhãn xứ không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì nhãn xứ không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì nhãn xứ là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì nhãn xứ vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì nhãn xứ vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì nhãn xứ xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì nhãn xứ tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân,



ý xứ tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì nhãn xứ chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì nhãn xứ chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì nhãn xứ dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì nhãn xứ chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì sắc xứ không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì sắc xứ không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì sắc xứ không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì sắc xứ không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì sắc xứ là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì sắc xứ vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì sắc xứ vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì sắc xứ xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì sắc xứ tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì sắc xứ chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì sắc xứ chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì sắc xứ dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì sắc xứ chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì nhãn giới không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm

duyên sinh ra không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì nhân giới không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì sắc giới cho đến các thọ do nhân xúc làm duyên sinh ra không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì nhân giới không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì sắc giới cho đến các thọ do nhân xúc làm duyên sinh ra không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì nhân giới không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì sắc giới cho đến các thọ do nhân xúc làm duyên sinh ra không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì nhân giới là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì sắc giới cho đến các thọ do nhân xúc làm duyên sinh ra là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì nhân giới vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì sắc giới cho đến các thọ do nhân xúc làm duyên sinh ra vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì nhân giới vô nguyên, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyên; vì sắc giới cho đến các thọ do nhân xúc làm duyên sinh ra vô nguyên, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyên; vì nhân giới xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì sắc giới cho đến các thọ do nhân xúc làm duyên sinh ra xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì nhân giới tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì sắc giới cho đến các thọ do nhân xúc làm duyên sinh ra tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì nhân giới chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì sắc giới cho đến các thọ do nhân xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì nhân giới chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì sắc giới cho đến các thọ do nhân xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì nhân giới dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì sắc giới cho đến các thọ do nhân xúc làm duyên sinh ra dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì nhân giới chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì sắc giới cho đến các thọ do nhân xúc làm duyên sinh ra chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì nhĩ giới không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì nhĩ giới không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì nhĩ giới không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì nhĩ giới không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì nhĩ giới là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì nhĩ giới vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì thanh giới cho đến

các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì nhĩ giới vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì nhĩ giới xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì nhĩ giới tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì nhĩ giới chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì nhĩ giới chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì nhĩ giới dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì nhĩ giới chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì tử giới không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì hương giới, tử thức giới và tử xúc cùng các thọ do tử xúc làm duyên sinh ra không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì tử giới không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì hương giới cho đến các thọ do tử xúc làm duyên sinh ra không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì tử giới không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì hương giới cho đến các thọ do tử xúc làm duyên sinh ra không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì tử giới không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì hương giới cho đến các thọ do tử xúc làm duyên sinh ra không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì tử giới là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì hương giới cho đến các thọ do tử xúc làm duyên sinh ra là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì tử giới vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì hương giới cho đến các thọ do tử xúc làm duyên sinh ra vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì tử giới vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì hương giới cho đến các thọ do tử xúc làm duyên sinh ra vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì tử giới xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì hương giới cho đến các thọ do tử xúc làm duyên sinh ra xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì tử giới tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì hương giới cho đến các thọ do tử xúc làm duyên sinh ra tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì tử giới chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì hương giới cho đến các thọ do tử xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì tử giới chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã



ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì hương giới cho đến các thọ do tử xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì tử giới dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì hương giới cho đến các thọ do tử xúc làm duyên sinh ra dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì tử giới chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì hương giới cho đến các thọ do tử xúc làm duyên sinh ra chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì thiết giới không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì vị giới, thiết thức giới và thiết xúc cùng các thọ do thiết xúc làm duyên sinh ra không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì thiết giới không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì vị giới cho đến các thọ do thiết xúc làm duyên sinh ra không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì thiết giới không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì vị giới cho đến các thọ do thiết xúc làm duyên sinh ra không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì thiết giới không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì vị giới cho đến các thọ do thiết xúc làm duyên sinh ra không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì thiết giới là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì vị giới cho đến các thọ do thiết xúc làm duyên sinh ra là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì thiết giới vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì vị giới cho đến các thọ do thiết xúc làm duyên sinh ra vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì thiết giới vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì vị giới cho đến các thọ do thiết xúc làm duyên sinh ra vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì thiết giới xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì vị giới cho đến các thọ do thiết xúc làm duyên sinh ra xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì thiết giới tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì vị giới cho đến các thọ do thiết xúc làm duyên sinh ra tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì thiết giới chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì vị giới cho đến các thọ do thiết xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì thiết giới chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì vị giới cho đến các thọ do thiết xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì thiết giới dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì vị giới cho đến các thọ do thiết xúc làm duyên sinh ra dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì thiết giới chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì vị giới cho đến các thọ do thiết xúc làm duyên sinh ra chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì thân giới không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa

cũng không sinh; vì xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì thân giới không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì thân giới không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì thân giới không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì thân giới là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì thân giới vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì thân giới vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì thân giới xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì thân giới tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì thân giới chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì thân giới chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì thân giới dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì thân giới chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì ý giới không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì ý giới không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì ý giới không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì ý giới không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì ý giới là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì ý giới vô tướng, nên biết

Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì ý giới vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì ý giới xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì ý giới tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì ý giới chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì ý giới chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì ý giới dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì ý giới chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì địa giới không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì địa giới không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì địa giới không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì địa giới không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì địa giới là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì địa giới vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì địa giới vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì địa giới xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì địa giới tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì địa giới chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì địa giới chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì địa giới dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì thủy, hỏa,

phong, không, thức giới dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì địa giới chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì vô minh không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì vô minh không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì vô minh không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì vô minh không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì vô minh là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì vô minh vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì vô minh vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì vô minh xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì vô minh tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì vô minh chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì vô minh chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì vô minh dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì vô minh chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

